TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **125** /2024/DS-PT
Ngày: 27/02/2024
V/v: *Tranh chấp đòi tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng.
Các Thẩm phán: 1. Bà Trần Thị Liên Anh;
2. Ông Đinh Như Lâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Minh Đức - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 531/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023, về việc: "Tranh chấp đòi tài sản".

Do bản án sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 14/09/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 670/2023/QĐ-PT ngày 29/12/2023; Quyết định hoãn phiên toà dân sự phúc thẩm số: 26/2023/QDHPT-PT ngày 16/01/2024; Quyết định hoãn phiên toà dân sự phúc thẩm số: 72/2023/QDHPT-PT ngày 25/01/2024; Thông báo về việc mở lại phiên toàn số 57/2024/TB-DS ngày 15/02/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn N, xã K, thị xã S, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: Thôn B, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng T1**, sinh năm 1980; địa chỉ thường trú: Thôn N, xã K, thị xã S, Thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Phạm Công T2

3. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh **Nguyễn Văn G**, sinh năm: 1993; địa chỉ: Thôn N, xã K, thị xã S, Thành phố Hà Nội.

3.2. Anh **Nguyễn Hoàng T3**, sinh năm: 1983; địa chỉ nơi làm việc: Tiểu Đ- Trường S1, xã T, thị xã S, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện và qua trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Trần Thị T trình bày:

Chị có mối quan hệ với anh Nguyễn Hoàng T1 từ việc mua bán đất năm 2021. Sau đó, anh T1 có thống nhất làm việc cho chị T. Đầu năm 2022, chị có mua 01 chiếc xe ô tô nhân hiệu Ford Ranger để anh T1 đi làm giúp việc cho chị. Do anh T1 không có tài khoản, nên anh đề nghị chị chuyển tiền vào tài khoản anh Nguyễn Văn G (là cháu anh T1), và nhờ anh G chuyển đến S (Cửa hàng bán xe) với tổng số tiền 760.000.000đ vào ngày 24/01/2022. Cụ thể: Lần 1 là 400.000.000đ; Lần 2 là 300.000.000đ; Lần 3 là 60.000.000đ.

Chị đồng ý cho anh T1 đứng tên xe chính chủ cho tiện đi lại, xe biển kiểm soát là: 29H-58364, và có trao đổi với anh T1 việc chị chuyển tiền và cho anh T1 mua, đứng tên đăng kí xe nhưng chiếc xe đó là xe của chị. Sau khi mua xe được 01 tháng thì anh T1 không đi làm cho chị T nữa, chị liên hệ nhiều lần yêu cầu anh T1 trả xe nhưng anh T1 không trả. Nay chị yêu cầu anh T1 trả lại chiếc xe hoặc trả lại số tiền là 760.000.000đ

Quá trình Toà án giải quyết vụ án, bị đơn - anh Nguyễn Hoàng T1 trình bày:

Anh Nguyễn Hoàng T1 có bản tự khai ngày 28/6/2023. Ngoài ra, tại biên bản ghi lời khai của anh T1 tại Công an thị xã S ngày 17/3/2023 anh T1 trình bày nội dung như sau: Cuối năm 2020 anh quen biết chị T khi chị T đến mua đất của anh tại thôn N, xã K, thị xã S. Sau đó, chị T nhờ anh hỗ trợ chị mua đất ở xã K, nên anh và chị T thường đi cùng nhau bằng xe ô tô của chị T. Trong năm 2021, thời điểm sốt đất anh đã chỉ cho chị T nhiều thửa đất tại xã K, thị xã S, anh là người giới thiệu còn chị T là người trực tiếp mua bán. Những thửa đất anh giới thiệu chị T mua bán đều có lãi, cụ thể như thế nào anh không biết. Tuy nhiên, chị T và anh chưa nói chuyện chị T hỗ trợ trả công cho anh như thể nào. Thời gian đầu, chị T buôn đất được bao nhiêu lại tái đầu tư, nên cũng không đòi hỏi gì. Trong thời gian đi làm cùng nhau chị T vẫn hứa hẹn sẽ trả công cho anh xứng đáng.

Khoảng cuối năm 2021, thời gian này anh giúp chị T đầu tư mua được nhiều đất tại xã K, chị T nói với anh mua cho anh 01 chiếc xe ô tô, anh muốn mua xe Ford bán tải có giá khoảng gần 800 triệu đồng (bao gồm chi phí đăng ký xe) là phù hợp với công sức của anh.

Sau khi khảo sát giá được biết cả chi phí đăng ký có giá 760.000.000đ. Anh báo lại cho chị T số tiền trên, do không có tài khoản ngân hàng nên anh bảo chị T chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng cho cháu anh là anh Nguyễn Văn G số tiền 760.000.000đ. Anh trực tiếp mua và đăng ký chính chủ chiếc xe trên. Sau khi mua được xe một thời gian thì thị trường bất động sản đi xuống nên anh không hỗ trợ chị T mua đất nữa.

Cuối năm 2022, chị T gọi điện cho anh nói gặp khó khăn về kinh tế, bảo anh bán xe ô tô để giúp chị ấy. Anh có nói với chị T bản thân cũng đang gặp khó khăn khi sửa nhà và đã vay em trai là Nguyễn Hoàng T3 một ít nên đã bán lại chiếc xe cho anh T3. Sau đó, chị T có gọi cho anh 1 đến 2 lần nhờ vay tiền nhưng anh không giúp được. Khoảng tháng 10/2022, anh được Công an xã K mới đến làm việc có liên quan đến chiếc xe trên, anh cũng trình bày như trên.

Từ đó đến nay, anh không gặp chị T, cũng không có liên lạc gì nữa. Chiếc xe chị T trả anh tiền công để mua có BKS 29H-583.64 do anh trực tiếp mua, đăng ký và sử dụng. Chị T nói rõ chiếc xe trên mua cho anh để trả công việc anh hỗ trợ chị T đi mua đất, tiền mua xe là tiền công cho anh. Chị T còn hỗ trợ cho anh chi phí để trang bị thêm phụ kiện vào xe, chi phí phụ kiện hết bao nhiêu hiện tại anh không nhớ. Chiếc xe ô tô đó anh đã bán cho anh T3, hiện anh T3 đang sử dụng.

Chị T không yêu cầu anh trả xe mà bảo anh bán xe để giúp chị ấy, nhưng anh không đồng ý. Anh khẳng định không có quan hệ tình cảm với chị T, chiếc xe ô tô trên anh mua bằng tiền công của anh.

Quá trình Toà án giải quyết vụ án, người có quyền và nghĩa vụ liên quan - anh Nguyễn Văn G trình bày:

Anh Nguyễn Hoàng T1 là cậu họ của vợ anh, chị T được người giới thiệu mua đất nhà anh T1, anh T1 thường xuyên đi làm cùng chị T tham gia mua bán đất.

Ngày 23/01/2022 anh T1 gọi điện cho anh nói: "Nhắn số tài khoản để chị T chuyển tiền, xong đi rút tiền cho cậu". Nên anh nhắn số tài khoản cho chị T. Một lát sau, anh T1 qua đón anh để đi rút tiền, nhưng lại rủ anh xuống Hà Nội để xem xe. Trên đường đi anh nhận được tin nhắn chuyển khoản: Lần thứ nhất là 400.000.000đ; lần thứ hai là 300.000.000đ; lần thứ ba là 60.000.000đ, với nội dung chuyển tiền mua xe.

Khi đến S tại Cầu D do hết xe hai anh đi về. Ngày 24/01/2022, anh T1 bảo anh chuyển tiền cho số tài khoản bên bán xe do anh T1 cung cấp nên anh chuyển

làm 05 lần với tổng số tiền 707.000.000đ. Mấy hôm sau, anh chuyển tiếp 23.400.000đ cho anh T1 đóng thuế.

Sau đó, anh T1 đi xe bán tải mới BKS 29H-583.64. Anh thấy anh T4 và chị T đi chung chiếc xe này với nhau. Đến tháng 3/2022, anh không thấy anh T1 đi cũng chị T nữa. Anh chỉ biết chị T chuyển tiền đến tài khoản của anh với nội dung như đã trình bày trên.

Quá trình Toà án giải quyết vụ án, người có quyền và nghĩa vụ liên quan- anh Nguyễn Hoàng T3 trình bày:

Anh trai anh tên là Nguyễn Hoàng T1; anh có mua 01 chiếc xe ô tô Ford bán tải BKS 291-583.64 của anh T1. Việc mua bán theo thủ tục quy định của pháp luật, hiện anh đang quản lý và sử dụng chiếc xe đó. Lúc mua, anh không nhớ là bao nhiêu tiền, mua thời điểm giao dịch miệng ngày 27/4/2022, làm hồ sơ công chứng sang tên cách đây khoảng 03 tháng. Thời điểm mua xe không có biến dạng gì về màu sơn, máy móc và kết cấu xe. Anh đồng ý không làm thay đổi về biến dạng, mẫu sơn, máy móc và kết cấu xe khi Tòa yêu cầu.

Tại bản án sơ thẩm số 23/2023/DSST ngày 14/09/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội về "Tranh chấp đòi tài sản" quyết định như sau:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi tài sản của chị Trần Thị T. Buộc anh Nguyễn Hoàng T1 phải hoàn trả lại cho chị Trần Thị T số tiền là 760.000.000đ (bảy trăm sáu mươi triệu đồng).

[2]. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau phiên toà sơ thẩm, ngày 24/09/2023 anh Nguyễn Hoàng T1- bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Quá trình thu thập chứng cứ tại giai đoạn phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn - anh Nguyễn Hoàng T1 trình bày: Anh vẫn giữ ý kiến như đã trình bày tại giai đoạn sơ thẩm. Từ năm 2021, anh đi làm với chị T trong việc mua bán bất động sản; cụ thể là những việc: Lái xe, tìm đất, giao dịch với chủ đất để đặt cọc và mua bán. Sau đó, san nền, làm mặt bằng, xây hàng rào và cùng xúc tiến

việc rao bán đất. Mua đi bán lại nhiều lần như vậy nhưng chị T không trả anh lương tháng và hứa sẽ trả công anh xứng đáng bằng số tiền mua đủ 01 xe ô tô. Chị T5 chuyển tiền cho anh, hợp đồng mua xe và đăng ký xe đứng tên anh; việc này chị T5 biết từ đầu đến cuối; chị T còn đưa tiền cho anh để anh lắp thêm một số bộ phận cho xe. Anh không vay hay mượn tiền; cũng không có thoả thuận nào việc anh chỉ đứng tên hộ chị T chiếc xe này. Do sau khi mua xe thì thị trường bất động sản đi xuống nên anh không tiếp tục hợp tác với chị T nữa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh vì đây không phải là việc vay mượn tiền.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Anh T1 là người quen của chị sau khi chị mua đất nhà anh T1. Sau đó, chị T có nhờ anh T1 hỗ trợ chị mua bán đất như tìm mua, san nền, xây hàng rào, bán đất. Thời gian khoảng hơn 01 năm; hàng tháng chị T không trả anh T1 lương. Chị T có chuyển cho anh G 760 triệu đồng để mua xe cho anh T1 đi làm cho chị T chứ không phải cho anh T1. Việc hợp đồng mua xe và xe đứng tên anh T1 thì chị T có biết. Giữa chị T và anh T1 không có thoả thuận miệng hay văn bản việc xe anh T1 chỉ đứng tên hộ cho chị T. Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của anh T1, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Tòa án yêu cầu, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, có ý kiến sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi từ khi nhận đơn, giải quyết đơn, ra thông báo thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng

[1.1] Về thủ tục kháng cáo: Anh Nguyễn Hoàng T1 có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định. Do đó kháng cáo đảm bảo về chủ thể, hình thức, nội dung và trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên toà phúc thẩm: Các đương sự đều đã được tống đạt hợp lệ đến tham gia phiên tòa. Tại phiên, có mặt anh Nguyễn Hoàng T1 và đại diện theo uỷ quyền của chị Trần Thị T.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Hoàng T1:

Hội đồng xét xử nhận thấy,

Chị Trần Thị T quen biết anh T1 qua việc mua nhà đất của gia đình anh T1. Trong năm 2021, anh T1 thường xuyên hỗ trợ chị T trong việc mua bán đất tại xã K và khu vực lân cận như đi tìm đất, hỗ trợ chị T trong việc mua bán, san nền, xây tường rào; bán đất trong khoảng thời gian hơn 01 năm. Chị T không trả lương cho anh T1 theo tháng hay theo vụ việc.

Đầu năm 2022, chị T có thỏa thuận tặng cho anh T1 một chiếc xe ô tô và chuyển tiền để anh T1 tự mua xe Ford bán tải và làm đăng kí, tổng trị giá 760 triệu đồng. Do anh T1 không có tài khoản ngân hàng nên 24/01/2022 chị T chuyển tiền 03 lần vào tài khoản anh G (bút lục 10) cụ thể: Lần 1: 400.000.000đ - nội dung: " Chuyen tien mua xe"; Lần 2: 300.000.000đ - nội dung: "Tran Thi Thao chuyen khoan"; Lần 3: 60.000.000đ - nội dung: "Tran Thi Thao chuyen khoan".

Tại bản tự khai ngày 16/03/2023 chị T trình bày sau thời gian được anh T1 hỗ trợ tìm mua, bán đất tại địa phương; anh chị nảy sinh quan hệ tình cảm nên có ý định mua xe cho anh T1 và cho anh đứng tên để thuận lợi trong việc đi lại. Chị T trình bày trước khi mua xe chị có trao đổi với anh T1 việc chị chuyển tiền và cho anh T1 mua, đứng tên đăng kí xe nhưng chiếc xe đó là xe của chị. Tuy nhiên, lời khai tại cơ quan và tại quá trình giải quyết vụ án anh T1 không xác nhận; chị T cũng không có tài liệu nào chứng minh có thoả thuận trên.

Điều 457 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "*Hợp đồng tặng cho tài sản là **sự thỏa thuận giữa các bên**, theo đó **bên tặng cho giao tài sản** của mình và chuyển quyền sở hữu cho bên được tặng cho mà không yêu cầu đền bù, **bên được tặng cho đồng ý nhận***.".

Điều 458 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "*1. Hợp đồng tặng cho động sản có **hiệu lực kể từ thời điểm bên được tặng cho nhận tài sản, trừ trường hợp có thỏa thuận khác**. 2. Đối với động sản mà luật có quy định đăng ký quyền sở hữu thì hợp đồng tặng cho có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký.".*

Khoản 1 Điều 462 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "1. Tặng cho tài sản có điều kiện: "*1. Bên tặng cho có thể yêu cầu bên được tặng cho thực hiện một hoặc nhiều nghĩa vụ trước hoặc sau khi tặng cho. Điều kiện tặng cho không được vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội*".

Từ thời điểm chị T chuyển tiền cho anh G để anh T1 rút ra mua xe thì đã là thời điểm (thứ nhất) anh T1 - bên được tặng cho nhận tài sản; khi anh T1 đi mua xe và hợp đồng mua xe đứng tên anh T1 là thời điểm (thứ hai) anh T1 - bên được tặng cho nhận tài sản; khi đăng ký xe ô tô đứng tên anh T1 là thời điểm (thứ hai) anh T1 - bên được tặng cho nhận tài sản. Chị T tự nguyện tặng cho anh T1 tiền để mua ô tô; hợp đồng tặng cho đã có 03 mốc được hoàn tất và đã có hiệu lực; chị T không có tài liệu chứng minh việc hai bên có thỏa thuận anh T1 đứng tên hộ cho chị T hay điều kiện nào khác. Do đó, giao dịch trên được xác lập là Hợp đồng tặng cho tài sản quy định tại Điều 457 Bộ luật dân sự 2015, có hiệu lực kể từ thời điểm anh T1 nhận khoản tiền mua xe 760.000.000đ theo Điều 458 Bộ luật Dân sự 2015 và không thuộc trường hợp Tặng cho tài sản có điều kiện quy định tại Điều 462 Bộ luật Dân sự 2015.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy Toà án sơ thẩm buộc anh T1 phải trả lại chị T tiền là không có căn cứ; cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T1; sửa bản án sơ thẩm theo nhận định trên.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên chị T6 phải chịu án phí sơ thẩm.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được sửa nên anh T1 không phải chịu chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điều 457, Điều 458, Điều 462 Bộ luật Dân sự 2015;

- Luật Thi hành án dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Hoàng T1; sửa bản án sơ thẩm số 23/2023/DSST ngày 14/09/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội cụ thể như sau:

[1]. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T; Không buộc anh Nguyễn Hoàng T1 phải hoàn trả số tiền 760.000.0000đ (bảy trăm sáu mươi triệu đồng).

[2]. Về án phí:

[2.1]. Chị Trần Thị T phải chịu án phí sơ thẩm là: 34.400.000đ (ba mươi tư triệu bốn trăm nghìn đồng). Đối trừ số tiền chị T đã nộp tạm ứng án phí 19.000.000đ (mười chín triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0056691 ngày 21/04/2023 Chi cục THADS thị xã S; chị T còn phải nộp số tiền 15.400.000đ (mười lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng).

[2.2]. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Hoàng T1 tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0056780 ngày 25/09/2023 Chi cục THADS thị xã S.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày Tòa tuyên án./

Nơi nhận:
- *VKS NDTP Hà Nội;*
- *TAND thị xã Sơn Tây;*
- *Chi cục THADS thị xã Sơn Tây;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hồng

Nơi nhận:
- *VKS NDTP Hà Nội;*
- *TAND thị xã Sơn Tây;*
- *Chi cục THADS thị xã Sơn Tây;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hồng